

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 662/2024/HC-PT

Ngày 23 - 12 - 2024

V/v khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Ông Bùi Xuân Trọng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hương Lê, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 520/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 11 năm 2024 về “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2024/HC-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13498/QĐ-PT ngày 06/12/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Bà Phạm Thị M, sinh năm 1971, có mặt;

Địa chỉ: Khu dân cư T, thị trấn V, thành phố Hải Phòng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức N, ông Bạch Văn Đ và bà Hồ Thị T, Luật sư Công ty TNHH N2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; ông N có mặt, bà T, ông Đ vắng mặt.

* **Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện V, thành phố Hải Phòng;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng;

Cùng địa chỉ: Đường B thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân Q, chức vụ: Phó Chủ tịch U, thành phố Hải Phòng là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 09/VB-UQ ngày 16/5/2024), vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phạm Ngọc H - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Ông Vũ Bá T1, Phó Trưởng phòng T6, huyện V, thành phố Hải Phòng, có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Hữu B, sinh năm 1962, có mặt;

Nơi cư trú: Khu dân cư T, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng.

* *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị M, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày như sau:

Ngày 12/5/2023 UBND huyện V, thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 2293/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 2293) và ngày 23/10/2023 ban hành Quyết định số 4396a/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 4396a) về việc thu hồi đất và thu hồi bổ sung với diện tích 136,2m² của gia đình bà Phạm Thị M. Đồng thời, ngày 12/5/2023 UBND huyện V Quyết định số 2289/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 2289) về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng và ngày 23/10/2023 ban hành Quyết định số 4931a/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 4931a) về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, giải phóng mặt bằng cho gia đình bà. Theo đó, bồi thường về đất: 136,2 m² x 8.329.000 đồng = 1.134.410.000 đồng; bồi thường về vật kiến trúc là 880.760.000 đồng; bồi thường chi phí di chuyển là 5.000.000 đồng; hỗ trợ khác là 41.000.000 đồng. Tổng số tiền gia đình bà nhận được là 2.061.170.000 đồng. Không đồng ý với phương án bồi thường nêu trên bà Phạm Thị M đã gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện V, ngày 07/02/2024 Chủ tịch UBND huyện V Quyết định số 291/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 291) về giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M. Theo đó, không chấp nhận yêu cầu khiếu nại, giữ nguyên các quyết định phê duyệt phương án bồi thường nêu trên.

Không đồng ý với các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, quyết định giải quyết khiếu nại, bà Phạm Thị M đã khởi kiện vụ án hành chính, đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Hủy một phần Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư thị trấn V và phương án chi tiết bồi thường giải phóng mặt bằng.

Huỷ một phần Quyết định số 4931a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND huyện V về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án phát triển khu dân tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng.

Huỷ Quyết định số 291/QĐ- UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M, khu dân cư T, thị trấn V, huyện V (lần đầu).

Đề nghị UBND huyện V miễn giảm tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư cho gia đình bà.

Đề nghị UBND huyện V cấp 01 lô tái định cư cho mẹ bà là cụ Phạm Thị S.

Quá trình giải quyết vụ án, phía người khởi kiện trình bày:

Về bồi thường hỗ trợ, tài sản, vật kiến trúc và các hỗ trợ khác bà nhất trí với phương án bồi thường. Tuy nhiên về đơn giá đất UBND huyện V bồi thường với đơn giá 8.329.000 đồng là không đúng. Bởi lẽ theo Điều 15 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT quy định về cách xác định vị trí đất trong xây dựng bảng giá đất như sau: Vị trí được xác định theo từng đường, đoạn đường hoặc khu vực căn cứ vào điều kiện kết cấu hạ tầng, kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các lợi thế cho sản xuất, kinh doanh trong khu vực, khoảng cách đến trung tâm chính trị, kinh tế, thương mại trong khu vực. Vị trí càng thuận lợi thì số tiền đóng thuế đất hàng năm càng cao. Tuy nhiên, đơn giá bồi thường của bà được xây dựng không căn cứ vào vị trí đất đóng thuế sử dụng đất hàng năm. Điều này là sai quy định bởi mức đóng thuế sử dụng đất hàng năm là một trong những căn cứ quan trọng để xác định giá đất cụ thể. Do vậy, gia đình bà đóng thuế với đơn giá 2.400.000 đồng chứng tỏ vị trí đất của bà thuận lợi hơn, từ đó phải được bồi thường về đất với đơn giá bồi thường cao hơn. Việc UBND huyện V áp giá đất bồi thường cho bà với đơn giá 8.329.000 đồng/m² là không đúng mà gia đình bà phải ở vị trí 1 Quốc lộ A - đoạn từ Cầu T đến Trạm y tế thị trấn V với đơn giá 22.174.000 đồng/m² (theo Quyết định số 996 ngày 14/4/2023 của UBND thành phố H). Tuy nhiên, tại phiên toà bà cho rằng theo giá thị trường thì diện tích đất của gia đình bà khoảng 39.000.000 đồng/m². Nay bà yêu cầu UBND huyện V phải áp giá cho bà với đơn giá 80% của 39.000.000 đồng = 30.000.000 đồng/m² chứ không phải là 22.174.000 đồng/m² như trong quá trình giải quyết vụ án bà đã trình bày.

Ngoài ra bà còn không đồng ý với việc thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư cho gia đình bà, vì diện tích đất của bà (Phạm Thị M) bị thu hồi có nguồn gốc là do mẹ đẻ bà tách ra cho 2 anh em đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cả hai anh em là Phạm Thị M và Phạm Văn N1. Tuy nhiên, mẹ bà vẫn đang là chủ hộ trong sổ hộ khẩu của gia đình bà. Mẹ bà cụ Phạm Thị S là vợ liệt sỹ, có nhiều huân huy chương nên khi cấp tái định cư cho bà M thì bà thuộc diện được miễn giảm tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư.

Tại phiên toà bà cho rằng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện V cấp ngày 01/7/1997 cho mẹ bà là cụ Phạm Thị S với diện tích 424m². Năm 2006 mẹ bà đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T2 và bà Phạm

Thị Đ1 diện tích 163m², ông T2, bà Đ1 đã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 163m². Diện tích đất mẹ bà còn lại là 261m². Sau đó mẹ bà anh bà là ông Phạm Văn N1 112m² và cho bà (M) 113m². Như vậy, diện tích đất còn lại của mẹ bà 3m². UBND huyện V đã bồi thường cho bà là không đúng. Đáng lẽ UBND huyện phải ra quyết định thu hồi đất và bồi thường cho mẹ bà là cụ Phạm Thị S. Hiện cụ S là chủ hộ gia đình đang ở với bà, không còn nơi ở nào khác nên yêu cầu UBND huyện V cấp thêm 01 lô tái định cư cho cụ S.

Bà Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung nêu trên.

Người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện V trình bày:

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân thị trấn V và hồ sơ quản lý đất đai được lưu trữ tại UBND thị trấn V thể hiện: Hộ bà Phạm Thị M đang sử dụng Thửa đất số 54 (2b), tờ bản đồ số 51, diện tích 113m², mục đích sử dụng ghi đất thổ cư, nhận chuyển nhượng năm 2017 từ mẹ đẻ là bà Phạm Thị S, đất có nguồn gốc sử dụng trước ngày 15/10/1993. Ngày 19/06/2017, Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị M tại thửa đất 54(2b), tờ bản đồ số 51, diện tích 113m², mục đích sử dụng là đất ở đô thị.

Căn cứ Mảnh trích đo địa chính, Tờ bản đồ số 01 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 02/6/2022; Bản đồ giải thửa thị trấn V lập năm 1996; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 19/06/2017 mang tên bà Phạm Thị M. Đối chiếu với kết quả đo đạc, kiểm kê, kiểm đếm đất đai, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với hộ bà Phạm Thị M, xác định: Tổng diện tích thu hồi thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với diện tích hộ bà Phạm Thị M đang sử dụng là 136,2m², gồm: 113m² đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; 23,2m² đất nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của mẹ đẻ cụ Phạm Thị S, cụ Phạm Thị S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997.

Xét Báo cáo số 205/BC-TTPTQĐ ngày 12/5/2023, số 1302/BC-TTPTQĐ ngày 23/10/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất về kết quả lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng đối với hộ bà Phạm Thị M; Tờ trình số 414/TTr-LCQ ngày 12/5/202, số 1525/TTr-LCQ ngày 23/10/2023 của liên cơ quan: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 12/05/2023, Quyết định số 4931a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng, trong đó có hộ gia đình bà Phạm Thị M.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Phạm Thị M là 2.061.170.000 đồng. Trong đó: Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất là 136,2m² x 8.329.000đ/m² = 1.134.410.000 đồng; bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc

là 880.760.000 đồng; bồi thường chi phí di chuyển tài sản là 5.000.000 đồng; các khoản hỗ trợ khác là 41.000.000 đồng. Hộ bà Phạm Thị M đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Theo bảng giá đất tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND thành phố về điều chỉnh cục bộ giá đất tại một số vị trí tuyến đường trong bảng giá các loại đất 05 năm (2021-2024) trên địa bàn thành phố. Giá đất ở vị trí 1 các tuyến đường còn lại trong các khu dân cư là 1.200.000 đồng/m², tương ứng với vị trí thửa đất hộ ông Đỗ Văn T3, bà Vũ Thị L; giá đất vị trí 1 tuyến đường từ cổng chợ cũ - Trại Chiều là 2.400.000 đồng/m², tương ứng với vị trí 1 nhà ông Phạm Văn T4, ông Phạm Văn S1, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị M1 và giá đất vị trí 1 tuyến đường từ Trạm y tế T - Trại Chiều là 4.800.000 đồng/m² tương ứng với vị trí 1 nhà ông Phạm Sỹ T5. Giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Phát triển Khu dân cư tại thị trấn V đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 12, 15 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, cụ thể: Đơn vị tư vấn xác định giá đất đã điều tra, khảo sát, xây dựng giá đất cụ thể; Sở T7 thẩm định tại Văn bản số 220/TTr-STNMT ngày 07/4/2023; Hội đồng thẩm định giá đất thành phố thẩm định tại Văn bản số 208/TB-HĐTĐGD ngày 30/3/2023; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023, phê duyệt giá đất cụ thể đối với đất ở để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V.

Căn cứ vào Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt giá đất cụ thể đối với đất ở để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, căn cứ vào vị trí thửa đất, Hội đồng bồi thường thực hiện Dự án xác định thửa đất của hộ bà Phạm Thị M thuộc vị trí 4 tuyến Quốc lộ A - Đoạn đường từ cầu T đến Trạm Y tế thị trấn V; giá đất bồi thường là 8.329.000đ/m² (bảng giá đất 5 năm 2020-2024 được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 là 5.210.000đ/m² x hệ số điều chỉnh 1,6).

Như vậy, việc UBND huyện ban hành Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 12/05/2023, Quyết định số 4931a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng, trong đó có hộ gia đình bà Phạm Thị M áp dụng giá đất là 8.329.000 đồng là đúng quy định tại khoản 2, Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 13/11/2023, 11/12/2023, bà Phạm Thị M có đơn khiếu nại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà áp dụng giá bồi thường đất thấp 8.329.000 đồng.

Ủy ban nhân dân huyện V đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu tại Thông báo số 04/TB-UBND ngày 08/01/2024. Ngày 16/10/2023, Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại. Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện việc trình tự, thủ tục xác minh và

ban hành Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M, khu dân cư T, thị trấn V, huyện V.

Đối với ý kiến đề nghị giảm tiền thuế đất tái định cư đối với hộ bà M UBND huyện có ý kiến như sau: Liệt sỹ Phạm Văn C là chồng của cụ Phạm Thị S. Cụ S và Liệt sỹ Cát có 01 con chung là ông Phạm Văn N1. Xét về thân nhân của người có công thì cụ Phạm Thị S là vợ Liệt sỹ, đồng thời cụ S được tặng Huy chương kháng chiến; ông Phạm Văn N1 là con Liệt sỹ, đồng thời là con đẻ của cụ Phạm Thị S; bà Phạm Thị M là con đẻ (con riêng) của cụ Phạm Thị S.

Căn cứ chế độ, nguyên tắc giảm tiền sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 5 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020; điểm d, khoản 3 Điều 105 và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ: Ông Phạm Văn N1 là con Liệt sỹ được giảm 70% tiền sử dụng đất; đồng thời là con cụ Phạm Thị S người được tặng Huy chương kháng chiến được giảm 65% tiền sử dụng đất. Ông Phạm Văn N1 được xét duyệt hưởng mức cao nhất của một chế độ ưu đãi, cụ thể: Thân nhân liệt sỹ được giảm 70% tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư.

Căn cứ các quy định nêu trên, bản thân bà Phạm Thị M không phải là thân nhân liệt sỹ, không phải người được tặng Huy chương kháng chiến. Bà Phạm Thị M được xác định là người trong gia đình được tặng Huy chương kháng chiến (gia đình gồm bà M, cụ Phạm Thị S và ông Phạm Văn N1). Ông Phạm Văn N1 đã được hưởng chế độ cao nhất của một chế độ thuộc gia đình chính sách theo quy định. Do vậy, việc bà M cho rằng bà được hưởng chế độ giảm tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Đối với ý kiến của bà M cho rằng diện tích đất của mẹ bà sau khi bán cho ông T2 và cho anh em bà thì diện tích của mẹ bà còn 36m² nên phải bồi thường cho cụ S là không có cơ sở. Thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng để đảm bảo quyền lợi của bà M, ông N1 nên UBND huyện đã căn cứ vào nguồn gốc đất đai, hiện trạng sử dụng đất của bà M, ông N1 để tính toán, bồi thường, hỗ trợ diện tích 23,2m² đối với bà M và 14,7m² đối với ông N1 là đảm bảo quyền lợi cho người khởi kiện.

Từ những căn cứ trên, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bác các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M và xem xét, giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Hữu B1: Ông hoàn toàn đồng ý với nội dung khởi kiện, các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2024/HC-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 206; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 62; 66; 67; 69; 74; 75; 79; 114 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 18; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32 Luật Khiếu nại;

Căn cứ Điều 15 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Điều 6; Điều 9; Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

Căn cứ Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M về việc:

Hủy một phần Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư thị trấn V (kèm theo phương án bồi thường của hộ bà Phạm Thị M).

Hủy một phần Quyết định số 4931a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND huyện V về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng (kèm theo phương án bổ sung bồi thường của hộ bà Phạm Thị M).

Hủy Quyết định số 291/QĐ- UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M, khu dân cư T, thị trấn V, huyện V (lần đầu).

Miễn giảm tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư cho gia đình bà.

Cấp 01 lô tái định cư cho cụ Phạm Thị S.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí, tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được đơn kháng cáo của bà Phạm Thị M, với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người khởi kiện trình bày: Người khởi kiện kháng cáo có ba nội dung chính:

- UBND huyện V phải cấp thêm cho cụ Phạm Thị S 01 suất đất tái định cư. Vì trong sổ đất bị thu hồi còn có 36m² đất thuộc quyền sử dụng của cụ S.

- Đề nghị xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất cho gia đình bà, vì gia đình bà thuộc gia đình chính sách, là con của liệt sỹ.

- Giá đất bồi thường phải tính theo giá thị trường là 30.000.000đ/m².

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà M trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà M là thiếu căn cứ. Vì, UBND huyện V cho rằng cụ S không đủ điều kiện để tách hộ là không đúng, theo Luật Cư trú thì cụ S đủ điều kiện để được tách hộ. Nguồn gốc thửa đất là của cụ S được cấp, cụ S đã chuyển nhượng 160m², đồng thời chia cho ông N1 108,5m² và bà M 110,5m², còn lại 42m² vẫn là của cụ S, nhưng UBND huyện V lại nhập vào để bồi thường cho bà M và ông N1 là thiếu căn cứ; UBND huyện phải xây dựng phương án để bồi thường cho cụ S theo đúng quy định của pháp luật; theo đó phải bố trí đất tái định cư cho cụ S. Bà M phải được miễn, giảm tiền sử dụng đất vì cụ S (là mẹ bà M) được tặng Huân chương kháng chiến. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Nguồn gốc đất của cụ S được cấp năm 1997 diện tích 424m²; năm 2006 được cấp GCNQSD đất thì giữa UB và cụ S đã thống nhất dành một diện tích để làm đường, diện tích còn lại chia cho các con. Tuy nhiên, khi thu hồi thì UBND huyện vẫn xem xét để bồi thường cả phần diện tích mà trước đây cụ S đã đồng ý làm đường, diện tích này đã bồi thường cho bà M và ông N1; như vậy là đã có lợi cho chủ sử dụng đất. Đối với giá bồi thường thì UBND huyện căn cứ vào quyết định 996 của UBND thành phố H để tính giá đất 8.329.000đ/m² là đã có lợi cho chủ sử dụng đất. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của phía người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là các quyết định hành chính, gồm: Quyết định số 2289, Quyết định 4931a của UBND huyện V, thành phố Hải Phòng về phê

duyet phương án bồi thường khi thu hồi đất và Quyết định 291 của Chủ tịch UBND huyện V, thành phố Hải Phòng về giải quyết khiếu nại. Đây là các quyết định hành chính cá biệt của Chủ tịch UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai và hành vi hành chính, nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 07/02/2024 Chủ tịch UBND huyện V, thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định 291, đến ngày 12/3/2024 người khởi kiện nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính là đang trong thời hạn một năm, nên đang còn thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Mặc dù người khởi kiện chỉ khởi kiện một phần Quyết định số 2289; một phần Quyết định số 4931a; Quyết định số 291. Tuy nhiên, ngoài các quyết định hành chính bị khởi kiện, thì còn các quyết định hành chính khác có liên quan như Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 về việc thu hồi đất thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND huyện V về việc sửa đổi Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND huyện V về việc thu hồi đất thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; Quyết định số 4936a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 về việc bổ sung thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 4932/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của các quyết định hành chính có liên quan là đúng pháp luật.

[3] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án một số đương sự vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền vắng mặt, hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại Điều 157; Điều 158; Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

** Về nội dung:* Xét kháng cáo của bà Phạm Thị M, thấy:

[4] Xét nguồn gốc sử dụng đất của gia đình bà Phạm Thị M, thấy: Diện tích đất gia đình bà M bị thu hồi là 136,2m² thuộc thửa đất số 54(2)b, tờ bản đồ số 51, diện tích 113m², mục đích sử dụng ghi đất thổ cư, nguồn gốc nhận chuyển nhượng năm 2017 từ mẹ đẻ là cụ Phạm Thị S, đất có nguồn gốc sử dụng trước ngày 15/10/1993. Ngày 19/06/2017, Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị M tại thửa đất 54(2b), tờ bản đồ số 51, diện tích 113m², mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Căn cứ Mảnh trích đo địa chính, tờ bản đồ số 01 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 02/6/2022; bản đồ giải thửa thị trấn V lập năm 1996; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 19/6/2017 mang tên bà Phạm Thị M. Đối chiếu với kết quả đo đạc, kiểm kê, kiểm đếm đất đai, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với hộ bà Phạm Thị M, xác định:

Tổng diện tích thu hồi thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với diện tích hộ bà Phạm Thị M đang sử dụng là 136,2m², gồm: 113m² đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; 23,2m² đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của mẹ đẻ là cụ Phạm Thị S. Cụ Phạm Thị S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Bà M cho rằng diện tích 36m² là của cụ Phạm Thị S, nên phải bồi thường cho cụ S (mẹ bà). Tuy nhiên, diện tích đất bồi thường hộ bà M là 136,2m², trong đó: Diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 113m². Diện tích 23,2m² nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ. Căn cứ quy hoạch của thị trấn V về việc mở rộng tuyến đường (nay là đường Đ) rộng 10,5m. Năm 2005, cụ Phạm Thị S có chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T2, tại hồ sơ chuyển nhượng cụ Phạm Thị S đã thống nhất với UBND thị trấn V để lại một phần diện tích phía giáp đường để thực hiện mở rộng đường theo quy hoạch, được thể hiện trên hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006, cụ thể về kích thước các cạnh của thửa đất và kích thước nhựa (tính từ tim đường vào 5,25m). Năm 2017 trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp lại cho cụ S năm 2006, cụ S có nhu cầu chuyển quyền sử dụng đất thửa đất số 54 (2) tờ bản đồ 51, diện tích 225m² cho 02 con là ông Phạm Văn N1 và bà Phạm Thị M. Tại hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất năm 2017, cụ S, bà M, ông N1 vẫn nhất trí với việc để diện tích quy hoạch mở rộng đường được xác định trên giấy chứng nhận đã cấp cho cụ S năm 2006 và đề nghị UBND thị trấn V, Văn phòng Đ2 - Chi nhánh V hoàn thiện hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, trình UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N1 và bà M. Ông N1, bà M không có ý kiến gì. Căn cứ vào nguồn gốc đất đai, hiện trạng sử dụng đất của bà M, ông N1 nên UBND huyện V đã tính toán, bồi thường, hỗ trợ diện tích 23,2m² đối với bà M và diện tích 14,7m² đối với ông N1 là phần diện tích trước đây cụ S đồng ý trích ra để làm đường là đã có lợi cho người khởi kiện. Tổng diện tích bồi thường cho bà M, ông N1 là 37,9m² (lớn hơn 1,9m² so với diện tích 36m²). Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án bà M khẳng định việc UBND thu hồi đất của của vợ chồng bà, không liên quan gì đến mẹ bà là Phạm Thị S; cụ S cũng không có khiếu nại gì nên việc bà M cho rằng diện tích 36m² phải bồi thường cho mẹ bà là không có cơ sở.

[5] Về chính sách bồi thường: Theo phương án bồi thường, hỗ trợ ban hành kèm theo Quyết định 2289 và Quyết định bổ sung phương án, bồi thường hỗ trợ số 4931a thì tổng số tiền hộ bà Phạm Thị M được bồi thường, hỗ trợ là 2.061.170.000 đồng. Trong đó, số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất là 136,2m² x 8.329.000 đồng = 1.134.410.000 đồng; bồi thường về vật kiến trúc là 880.760.000 đồng; bồi thường chi phí di chuyển là 5.000.000 đồng; các khoản hỗ trợ khác là 41.000.000 đồng. Bà M cho rằng khung giá đất để áp giá bồi thường đối với đất của gia đình bà là 30.000.000/m² là không có căn cứ. Bởi vì, căn cứ Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt giá đất cụ thể đối với đất ở để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Phát triển Khu dân cư tại thị trấn V (giá đất cụ thể được tính dựa trên cơ sở Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND thành phố H về

việc điều chỉnh cục bộ giá đất tại một số vị trí tuyến đường trong bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn thành phố là 5.210.000 đ/m² x hệ số điều chỉnh 1,6 để ra giá đất cụ thể là 8.329.000 đồng). Căn cứ vào vị trí thửa đất, Hội đồng bồi thường thực hiện Dự án xác định thửa đất của hộ bà M thuộc vị trí 4 tuyến Quốc lộ A đoạn đường từ Cầu T đến Trạm Y tế thị trấn V là đúng với quy định tại Quyết định số 996. Theo đó, giá đất bồi thường là 8.329.000đ/m² là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Đối với việc bà M cho rằng mình được hưởng chính sách người có công khi giao đất tái định cư để miễn, giảm nghĩa vụ tài chính, thấy: Mặc dù diện tích đất của bà Phạm Thị M bị thu hồi có nguồn gốc là do mẹ đẻ là cụ Phạm Thị S, hiện cụ S đang là chủ hộ trong sổ hộ khẩu của gia đình, cụ S là vợ liệt sĩ có nhiều huân huy chương nên khi cấp tái định cư cho bà thì bà thuộc diện được miễn giảm tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư. Tuy nhiên, Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai thì năm 2017 cụ Phạm Thị S đã tặng cho bà M diện tích 113m², ngày 19/6/2017 bà M đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; từ đó UBND huyện V đã ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường cho bà M là đúng quy định. Hơn nữa, theo quy định của Pháp lệnh về việc ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH ngày 09/12/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định “Thân nhân của người có công với cách mạng bao gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sĩ”. Bà M là con riêng của cụ Phạm Thị S, bà M không phải là con liệt sĩ. Cụ S được Phòng Lao động Thương binh và Xã hội xác nhận là đối tượng hoạt động kháng chiến được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Bản thân bà M không phải là người được tặng Huy chương kháng chiến. Bà Phạm Thị M được xác định là người trong gia đình được tặng Huy chương kháng chiến (gia đình gồm bà M, cụ Phạm Thị S và ông Phạm Văn N1). Ông Phạm Văn N1 đã được hưởng chế độ cao nhất của một chế độ thuộc gia đình chính sách theo quy định. Do vậy, việc bà M cho rằng bà được hưởng chế độ giảm tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ là không có cơ sở.

[7] Việc bà M yêu cầu cấp 01 lô tái định cư cho cụ Phạm Thị S, Hội đồng xét xử thấy: Như đã phân tích ở trên thì UBND huyện V chỉ thu hồi đất của gia đình bà Phạm Thị M, không thu hồi đất của cụ Phạm Thị S; mặc dù hiện cụ S đang sinh sống cùng hộ bà M, nhưng cụ S không đủ điều kiện tách thành hộ riêng biệt nên không đủ điều kiện cấp tái định cư.

[8] Từ phân tích ở trên thấy rằng, việc UBND huyện V đã ban hành các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình bà Phạm Thị M là có căn cứ, đúng pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình bà M.

[9] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện V, thấy: Do không đồng ý với quyết định phê duyệt phương án bồi thường, bà Phạm Thị M đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện V. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện V đã thụ lý đơn khiếu nại; quyết định thành lập

tổ xác minh; tiến hành xác minh, đối thoại với người khiếu nại. Căn cứ kết quả xác minh, đối thoại, như đã phân tích ở trên thấy việc khiếu nại của bà Phạm Thị M không có căn cứ, nên Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành Quyết định 291 để giải quyết khiếu nại của bà M. Theo đó, không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà M, giữ nguyên các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã giải quyết vụ án đảm bảo đúng, đầy đủ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, bà Phạm Thị M kháng cáo nhưng không có thêm tài liệu gì mới làm căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[10] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Phạm Thị M; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2024/HC-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Về án phí: Bà Phạm Thị M phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp tại biên lai số 0000633, ngày 05/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Xác nhận bà M đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THA dân sự thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm